

Bản án số: 35/2020/HS-ST
Ngày 18 - 5 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Dũng

Ông Nguyễn Văn Đăng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lý Đình Kiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/TLST-HS, ngày 13 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/HSST-QĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1965.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Kim N (đã chết) và bà: Trần Thị V, sinh năm 1933; Vợ: Lê Thị S, sinh năm 1972 và có 02 con đều sinh năm 2003; Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 04; Tiền án: Ngày 27/9/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “Đánh bạc”; Tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 24/10/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 09 (Chín) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người chứng kiến: Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Xóm X, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 09/12/2019, Tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Nguyên đang làm nhiệm vụ tại khu vực xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì phát hiện Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965; Trú quán: xóm X, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đang đứng ở cổng nhà có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác yêu cầu kiểm thì Đ tự giác giao lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc ra một gói nilon màu trắng, Đ khai bên trong đựng ma túy Heroine của Đ giao nộp cho tổ công tác. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đ và niêm phong vật chứng theo quy định.

Hồi 08 giờ ngày 09/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành khám xét nhà ở của Nguyễn Văn Đ, kết quả đã tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; số tiền 1.000.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ.

Hồi 10 giờ ngày 09/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng số chất bột dạng cục màu trắng thu giữ Nguyễn Văn Đ có tổng khối lượng là 0,677 gam (*Không thấy sáu trăm bảy mươi bảy gam*) và lấy 0,307gam (*Không thấy ba trăm linh bảy gam*) niêm phong (ký hiệu G) gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 02/KL-KTHS ngày 17/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Chất bột dạng cục màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn Đ là chất ma túy, loại Heroine có khối lượng thu là 0,677 gam (*Không thấy sáu trăm bảy mươi bảy gam*).

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận như sau: Đ là người nghiện ma túy nên phải thường xuyên đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 08/12/2019, Đ một mình đi lên khu vực đường tàu khu Nam thuộc thành phố T tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây, Đ gặp một người đàn ông giới thiệu tên là H (Đ không rõ họ tên, địa chỉ), Đ đặt vấn đề mua ma túy của H thì H bảo Đ chỉ đường về nhà và hẹn sáng hôm sau sẽ mang ma túy đến nhà bán cho Đ. Khoảng 6 giờ 00 phút ngày 09/12/2019, khi Đ đang ở nhà thì H đến nhà và bán cho Đ một gói Heroine với giá 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được ma túy, Đ cất vào túi quần bên phải và đi vào trong nhà, còn H đi đâu thì không rõ. Đến khoảng 6 giờ 40 phút cùng ngày, Đ vừa đi ra cổng đứng thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ số ma túy như nêu trên.

Cáo trạng số 41/CT-VKSPB ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận: giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chấp hành hình phạt **15**(Mười lăm) tháng tù về tội: “Đánh bạc”, tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST, ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung từ 39 đến 45 tháng tù, được trừ đi số ngày bị tạm giữ từ ngày 21/02/2018 đến ngày 02/3/2018.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu G bên trong có chứa 0,297 gam (*Không phải hai trăm chín mươi bảy gam*) ma túy Heroine hoàn lại sau giám định; 01 phong bì niêm phong (ký hiệu L) bên trong có chứa 0,37 gam (*Không phải ba bảy gam*) ma túy Heroine;

- Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng đã qua sử dụng và 1.000.000đ (Một triệu đồng) để đảm bảo cho việc Thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai đó có căn cứ chấp nhận vì đúng như cáo trạng truy tố, phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của những người chứng kiến cùng các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 06 giờ 40 phút ngày 09/12/2019, tại khu vực cổng nhà của bị cáo Nguyễn Văn Đ ở xóm X, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo Đ đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,677 gam (*Không phải sáu bảy bảy gam*) ma túy loại Heroine, với mục đích để sử dụng,

nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Tổ công tác Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ có đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 41/CT-VKSPB ngày 13/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Nội dung Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do bị cáo Đ thực hiện là nghiêm trọng, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự xã hội ở địa phương, còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm khác... Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo với một mức án nghiêm minh và cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo được tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo Đ là người có nhân thân xấu, năm 2003 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 09 (Chín) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 27/9/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 15(Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “Đánh bạc”. Trong thời gian thử thách bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới. Vì vậy, cần áp dụng khoản 5 Điều 65

của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 15(Mười lăm) tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên và tổng hợp với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

[7] Xét tính chất mức độ tội phạm, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy, bị cáo là người nghiện ma túy không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01 phong bì niêm phong ký hiệu G bên trong có chứa 0,297 gam (*Không thấy hai trăm chín mươi bảy gam*) ma túy Heroine hoàn lại sau giám định; 01 phong bì niêm phong (ký hiệu L) bên trong có chứa 0,37 gam (*Không thấy ba bảy gam*) ma túy Heroine, xét thấy không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng đã qua sử dụng và 1.000.000đ (Một triệu đồng) cần tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án.

- Đối với 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ không liên quan gì đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo sử dụng;

[10] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát trong lời luận tội về tội danh, mức hình phạt chính, phạt bổ sung, xử lý vật chứng vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[11] Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo Đ với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần buộc bị cáo phải chịu một khoản án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; Điều 56; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 326; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Nguyễn Văn Đ **02** (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 12 năm 2019.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chấp hành hình phạt **15**(Mười lăm) tháng tù về tội: “Đánh bạc”, tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST, ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung là: **03** (ba) năm **03** (ba) tháng tù, được trừ đi số ngày bị tạm giữ từ ngày 21/02/2018 đến ngày 02/3/2018.

3. Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn Đ với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01(một) phong bì niêm phong ký hiệu G bên trong có chứa 0,297 gam (*Không thấy hai trăm chín mươi bảy gam*) ma túy Heroine, còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu G; 01(một) phong bì niêm phong (ký hiệu L) bên trong có chứa 0,37 gam (*Không thấy ba bảy gam*) ma túy Heroine mẫu lưu kho;

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng đã qua sử dụng (Điện thoại bật không lên nguồn nên không biết rõ loại máy nào của dòng máy OPPO và 1.000.000đ (Một triệu đồng) để đảm bảo cho việc Thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ .

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2020 và ủy nhiệm chi ngày 27/3/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Sái Đức Trung

